

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-PT
Ngày 21-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 45/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Văn H (T)**, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M1, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị T; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 161, ấp H, xã P, huyện M2, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Ngọc H; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số 71/QĐ-XPHC ngày 05/10/2016 của Công an Phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ ngày 27/7/2017, Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố B kiểm tra hành chính cơ sở kinh D karaoke M ở số 13A2, khu phố

B, Phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện trong phòng số 07 có 14 đối tượng nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có Nguyễn Quốc D. Tiến hành kiểm tra người của Nguyễn Quốc D, lực lượng Công an phát hiện trong túi quần của D đang mặc có 01 túi nylon hàn kín trên miệng túi có sọc đỏ và có rãnh dán lại, bên trong túi có 05 viên nén màu xanh nghi là chất ma túy và 01 túi nylon màu đỏ đen, có chữ ALABAMA WILD FIRE có rãnh kéo, bên trong túi có hoa, lá cắt nhuộm nghi là ma túy nên thông báo cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B đến lập biên bản phạm pháp quả tang đối với Nguyễn Quốc D về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nylon hàn kín, trên miệng túi có sọc đỏ và có rãnh dán lại, bên trong túi có 05 viên nén màu xanh (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1);
- 01 túi nylon màu đỏ đen, có chữ ALABAMA WILD FIRE có rãnh dán lại, bên trong túi có hoa, lá cắt nhuộm (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2);

Qua làm việc, Nguyễn Quốc D khai nhận vào khoảng 17 giờ ngày 27/7/2017, khi đang cùng bạn bè chơi tại phòng số 07 của quán karaoke M, D gọi điện thoại cho Trần Văn H hỏi mua 05 viên thuốc lắc và 01 bịch cỏ Mỹ để sử dụng. Khoảng 15 phút sau, H vào phòng số 07 bán cho D 01 bịch thuốc lắc có 05 viên giá 1.500.000 đồng và 01 bịch cỏ Mỹ giá 500.000 đồng nhưng D chưa kịp lấy sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật như trên.

Trần Văn H thừa nhận vào khoảng 17 giờ ngày 27/7/2017, trong lúc đang làm việc tại quán karaoke M, H nhận được cuộc gọi của Nguyễn Quốc D hỏi mua 05 viên thuốc lắc và 01 bịch cỏ Mỹ thì H đồng ý. Sau đó, H điện thoại cho N (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) để mua ma túy theo yêu cầu của D. Một lúc sau, N đem ma túy lại để dưới gốc cây trước cổng quán karaoke M và kêu H ra lấy, H đi ra lấy toàn bộ ma túy đem vào phòng số 07 bán cho D thu được 2.000.000 đồng; H tự lấy tiền hoa hồng là 100.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng đem ra đặt dưới gốc cây để trả cho N.

Theo kết luận giám định số 2653/C54B ngày 30/8/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: 05 viên nén hình tam giác màu xanh dương không rõ lo go được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 1,4822 gam, loại Methamphetamine.
- Gói 2: thảo mộc khô đã cắt vụn đựng trong 01 gói màu đen có in chữ “ALABAMA WILD PIRE” trên miệng có rãnh khóa, được niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 5,8940 gam, không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất theo danh mục các chất ma túy và tiền chất của Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và Nghị định 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ. Mẫu thảo mộc này có AMB-FUBINACA.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 31-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Quốc D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra; Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Cùng ngày 11/6/2018, bị cáo Trần Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Quốc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc D đều thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng bị cáo H bổ sung kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và bị cáo Nguyễn Quốc D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 01 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo Trần Văn H phát biểu ý kiến: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Quốc D phát biểu ý kiến: không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định có lợi cho bị cáo Nguyễn Quốc D theo quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, nhưng không áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Trần Văn H khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị cáo Nguyễn Quốc D khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 19 giờ ngày 27/7/2017, tại phòng số 07 của quán karaoke M tại số 13A2, khu phố Bình Khởi, Phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Quốc D đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,4822 gam ma túy, loại Methamphetamine để nhằm mục đích sử dụng. Để có tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Văn H đã có hành vi bán trái phép 1,4822 gam ma túy, loại Methamphetamine cho Nguyễn Quốc D thu được 1.500.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, bị cáo D đã cất giữ bất hợp pháp chất ma túy để sử dụng mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, bị cáo H đã bán ma túy bất hợp pháp, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy bị thu giữ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Quốc D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án; mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 02 năm tù. Xét thấy; bản thân bị cáo đã nhận thức rõ việc bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng thừa nhận vào ngày 21/7/2017 có bán trái phép 01 bịch ma túy cỡ nhưng không bị phát hiện nên không bị xử lý, lẽ ra bị cáo phải dừng lại nhưng bị cáo lại tiếp tục bán

trái phép chất ma túy vào ngày 27/7/2017 và lần này đã bị phát hiện, vì vậy hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo; mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo cho rằng bản thân là lao động chính, mẹ đang điều trị bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm tù và không cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng. Xét thấy, quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo H, giữ nguyên quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo H là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc D yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân không tốt, vào ngày 05/10/2016 bị Công an Phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chưa được xóa; tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bà nội và cha ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ có công với đất nước; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; đồng thời đã áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm, bị cáo cho rằng bản thân là lao động chính, đang nuôi con nhỏ, gia đình đang gặp khó khăn nhưng không có xác nhận hay giấy tờ gì chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, khi bị Công an kiểm tra thì bị cáo đã chấp hành và tự nguyện lấy ma túy đang cất giữ trong người ra giao nộp cho Công an, điều đó thể hiện rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải của bị cáo; sau khi bị lập biên bản phạm pháp quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã khai ra bị cáo H là người trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, từ đó Cơ quan điều tra mới có căn cứ xử lý bị cáo H về tội mua bán trái phép chất ma túy, việc bị cáo D khai ra bị cáo H là người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo D đã có tác dụng tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm, vì vậy bị cáo D còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy; bị cáo D mới phạm tội lần đầu, ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo còn được hưởng quy định có lợi theo quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7;

khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; theo “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, nhưng theo “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; với tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần xem xét giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo. Xét thấy, quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo D là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo D nên chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo H là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tuy nhiên; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo D là có phần nghiêm khắc nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bị cáo Trần Văn H phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Quốc D không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc D; Sửa Bản án sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre;

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 01 (một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Quốc D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (6b);
- Công an và VKSND thành phố B (2b)
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã B; P (2b);
- Bị cáo tại ngoại (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Văn Thông